

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, NGOẠI HỐI

Tuần 05/08/2024 – 09/08/2024

KHOI VỐN & THỊ TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM & GIÁM SÁT GIAO DỊCH VỐN

Mỹ	• DXY đi ngang, chốt tuần ở 103,135 (-0,07% so tuần trước). Đầu tuần thị trường phản ứng mạnh với số liệu lao động bất ngờ yếu hơn kỳ vọng. Về cuối tuần, số đơn trợ cấp thất nghiệp lần đầu (233.000) thấp hơn dự báo (241.000) và kỳ trước (250.000) đã làm dịu đi các lo ngại về thị trường lao động suy yếu. Với số liệu này, kỳ vọng của thị trường về xác suất Fed hạ lãi suất 0,5% hay 0,25% trong cuộc họp tháng 9 tới đây cân bằng hơn.
Khu vực đồng Euro	• Tỷ giá EUR/USD chốt tuần ở mức 1,0916, tăng 0,07% so với cuối tuần trước. Trong tuần, số liệu doanh số bán lẻ Khu vực đồng Euro suy giảm nhẹ 0,3%, dưới kỳ vọng (không đổi), cho thấy sức mua có dấu hiệu giảm. Số liệu tiếp tục củng cố niềm tin của thị trường về việc ECB giảm tiếp 0,25 điểm % trong T9 (xác suất 96%).
Anh	• GBP/USD chốt tuần ở mức 1,2759, giảm 0,3% so tuần trước. Chỉ số ngành xây dựng trong tháng 7 được công bố ở mức 55,3 điểm, cao hơn số liệu dự báo 52,5 điểm. Chỉ số giá nhà tại Anh tăng 0,8%, cao hơn dự báo +0,2%. Thị trường duy trì kỳ vọng BoE sẽ giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 9.
Nhật Bản	• JPY giảm 0,05% so với USD và chốt tuần ở mức 146,61. Việc đánh giá lại rủi ro với chiến lược kinh doanh chênh lệch lãi suất (carry trade) JPY trên toàn cầu khiến đồng JPY tiếp tục tăng giá mạnh vào đầu tuần. Tuy nhiên, về cuối tuần, JPY điều chỉnh giảm, đặc biệt là sau phát biểu mang tính chất ôn hòa của BoJ về việc sẽ không tiến hành tăng lãi suất trong điều kiện thị trường biến động mạnh
Trung Quốc	• USD/CNY tăng 0,08% và chốt tuần ở mức 7,166. Trong tuần, số liệu lạm phát ghi nhận mức tăng 0,5% yoy trong tháng 7 sau khi tăng 0,2% yoy trong tháng 6 do thiên tai. Nhu cầu nội địa yếu vẫn là vấn đề chính đối với Trung Quốc trong bối cảnh căng thẳng thương mại với các nước phương Tây leo thang đang ảnh hưởng đáng kể đến viễn cảnh hoạt động xuất khẩu dẫn dắt đà phục hồi của nền kinh tế.

Thị trường tiền tệ

- Lãi suất vay, gửi LNH dao động quanh mức lãi suất thị trường mở. Tới ngày 09/08/2024, lãi suất vay, gửi các kỳ hạn O/N – 1M phổ biến ở mức **4,53-4,8%/năm**, giảm ~30bps tại các kỳ hạn, trong bối cảnh lãi suất tín phiếu và cho vay OMO giảm 0,25% từ ngày 5/8 về mức 4,25%/năm.
- Hoạt động trên thị trường mở tương đối sôi động. Trong tuần, tổng doanh số giao dịch tín phiếu và reverse repo toàn thị trường lần lượt ở mức 35.750 tỷ VND và 56.618 tỷ VND.
- Trong tuần, thông qua thị trường mở, NHNN bơm ròng **13.102 tỷ VND** và số dư ròng đến hết 09/08 là **-37.882 tỷ VND** (trong đó số dư tín phiếu 94.500 tỷ VND và cho vay repo 56.618 tỷ VND).

Thị trường ngoại hối

- **USD/VND LNH giảm 108đ** so tuần trước, trong bối cảnh USD giảm nhẹ so với các ngoại tệ chủ chốt. Tính đến 09/08/2024, tỷ giá LNH **tăng +3,53%** kể từ đầu năm và **+5,75%** so với cùng kỳ năm trước.
- Tỷ giá trung tâm và tỷ giá bán của ổn định so với tuần trước, trong khi đó, tỷ giá bán USD tự do quanh 25.627, cao hơn **~250đ** so với giá niêm yết của VCB.
- Tới ngày 09/08/2024, giá vàng SJC bán ra ở mức **78,5 trđ/lượng giảm 1,63%** so tuần trước, chênh lệch so với giá vàng quốc tế (chưa bao gồm thuế, phí) tạm tính ~4,9 triệu đồng/lượng.

Thị trường Trái phiếu chính phủ

➤ Sơ cấp

- Trong tuần, KBNN phát hành thành công **10.423** tỷ VND/12.500 tỷ VND qua đấu thầu tại các kỳ hạn 5Y, 10Y, 15Y với tỷ lệ phát hành thành công lần lượt đạt 35%; 99%; 88%. Kỳ hạn 20Y không phát hành thành công. Cụ thể:
 - 5Y: 520 tỷ VND lãi suất trúng thầu **1,95%/năm** (+1bps so với phiên tuần trước)
 - 10Y: 5.950 tỷ VND lãi suất trúng thầu **2,71%/năm** (-5bps so với phiên tuần trước),
 - 15Y: 3.953 tỷ VND lãi suất trúng thầu **2,9%/năm** (-6bps so với phiên gần nhất).
- Như vậy, từ đầu năm, tổng khối lượng TPCP KBNN phát hành ở mức **203.437 tỷ VND**, đạt khoảng 51% kế hoạch năm.

➤ Thứ cấp

- Trên thị trường thứ cấp, quy mô giao dịch TPCP ở mức 5.000-10.000 tỷ VND/phiên và vẫn tập trung chủ yếu tại các kỳ hạn 10Y-15Y.
- Lợi suất giao dịch giảm nhẹ do nhờ điều kiện tiền tệ thuận lợi hơn. Tới ngày 09/08/2024, lãi suất TPCP các kỳ hạn giao dịch phổ biến 5Y, 10Y, và 15Y lần lượt ở mức 1,98%/năm, 2,74%/năm và 2,92%/năm, giảm 5bps ở các kỳ hạn 10 và 15 năm.

Cà phê (ICE)

- Giá cà phê **tăng** so với tuần trước khi thời tiết khô, nóng tại Brazil làm giảm chất lượng vụ thu hoạch năm nay và gây quan ngại về sản lượng vụ mùa tới. Tới 09/08/2024, giá cà phê Arabica giao T12 (ICE US) **tăng 1,3%** so tuần trước, lên **2,33 USD/Lbs**, trong khi đó giá cà phê Robusta giao T9 (ICE UK) **tăng 2,27%** so với tuần trước, lên mức **4.323 USD/tấn**

Ngũ cốc (CBOT)

- Giá lúa mì giao T9 **tăng 0,32%** so với tuần trước lên mức **5,42 USD/bushel** (gạ). Trong khi đó, giá ngô giao T12 **giảm -2,58** so tuần trước ở mức **3,77 USD/bushel**, chủ yếu do nguồn cung lớn, dồi dào tại thị trường Mỹ.

Kim loại (COMEX, DCE)

- Giá đồng giao T9 (COMEX) **giảm** liên tục trong tuần, về **3,98 USD/pound (-3,21%)** do nhu cầu yếu và tồn kho tăng vọt. Trong khi đó, giá quặng sắt 62% giao T9 (DCE) cũng **giảm -1,83%** về mức **102 USD/tấn** (788 CNY). Giá quặng sắt giảm do nhu cầu tiêu thụ tại Trung Quốc chưa có tín hiệu cải thiện đáng kể.

Năng lượng (NYMEX)

- Giá dầu tăng trở lại sau bốn tuần giảm liên tiếp khi thị trường bớt lo ngại về nhu cầu tiêu thụ trong khi căng thẳng địa chính trị tiếp tục có xu hướng leo thang.
- Tới 09/08/2024 so tuần trước, giá dầu WTI giao T9 **tăng +3,8%** về mức **77,7 USD/thùng**, giá dầu Brent giao T9 **tăng 2,45%** về mức **79,5 USD/thùng**.

	09/08/2024	5 phiên qua	5D (+/-)	MTD (+/-)	YTD (+/-)	YOY (+/-)
Chỉ số USD	103,135		▼ -0,07%	▼ -0,92%	▲ 1,78%	▲ 0,63%
EUR/USD	1,0916		▲ 0,07%	▲ 0,84%	▼ -1,09%	▼ -0,52%
GBP/USD	1,2759		▼ -0,30%	▼ -0,75%	▲ 0,24%	▲ 0,32%
AUD/USD	0,6572		▲ 0,97%	▲ 0,49%	▼ -3,49%	▲ 0,70%
USD/JPY	146,610		▲ 0,05%	▼ -2,25%	▲ 3,93%	▲ 2,01%
USD/CNY	7,166		▲ 0,08%	▼ -0,74%	▲ 0,96%	▼ -0,59%
USD/KRW	1.364,19		▲ 0,56%	▼ -0,36%	▲ 5,39%	▲ 3,89%
Giá vàng (USD/oz)	2.431,49		▼ -0,50%	▼ -0,71%	▲ 17,86%	▲ 26,95%
Tỷ giá VCB bán	25.280		▼ -0,47%	▼ -0,69%	▲ 3,44%	▲ 5,73%
Tỷ giá trung tâm	24.260		▲ 0,07%	▲ 0,02%	▲ 1,65%	▲ 1,80%
Tỷ giá SBV mua	23.400		▬ 0,00%	▬ 0,00%	▬ 0,00%	▬ 0,00%
Tỷ giá SBV bán	25.450		▬ 0,00%	▬ 0,00%	▲ 1,76%	▲ 1,91%
Tỷ giá TT tự do	25.627		▼ -0,14%	▼ -0,39%	▲ 3,37%	▲ 7,68%
Giá vàng SJC	78.500		▼ -1,63%	▼ -0,63%	▲ 6,08%	▲ 14,93%

* Giá tham khảo. Nguồn: Refinitiv

	09/08/2024	5 phiên qua	5D (+/-)	MTD (+/-)	YTD (+/-)	YOY (+/-)
Lãi suất SOFR	đơn vị: %		đơn vị: bps			
3M	5,11		▼ -11,5	▼ -12,8	▼ -21,9	▼ -25,4
6M	4,81		▼ -20,2	▼ -27,0	▼ -35,2	▼ -61,5
TPCP Mỹ	đơn vị: %					
2Y	4,05		▲ 18,3	▼ -20,3	▼ -19,4	▼ -75,5
10Y	3,94		▲ 14,8	▼ -9,4	▲ 7,4	▼ -7,6
Lãi suất MM	đơn vị: %		đơn vị: điểm %			
1W	4,53		▼ -0,30	▼ -0,15	▲ 1,25	▲ 4,05
1M	4,80		▼ -0,20	▼ -0,15	▲ 2,24	▲ 2,92
TPCP VN thứ cấp	đơn vị: %		đơn vị: bps			
5Y	1,98		▼ -0,1	▲ 0,1	▲ 44,2	▲ 19,2
7Y	2,25		▼ -5,2	▼ -4,9	▲ 30,7	▲ 11,9
10Y	2,74		▼ -5,5	▼ -5,8	▲ 50,0	▲ 29,3
15Y	2,92		▼ -3,9	▼ -3,9	▲ 48,2	▲ 26,7

* Giá tham khảo. Nguồn: Refinitiv

DỮ LIỆU KINH TẾ VĨ MÔ

	Đơn vị	06/23	07/23	08/23	09/23	10/23	11/23	12/23	01/24	02/24	03/24	04/24	05/24	06/24	07/24
Chỉ báo tiêu dùng															
Bán lẻ, dịch vụ	% yoy	6,5	7,1	7,6	7,5	7,0	10,1	9,3	8,1	8,5	9,2	9,0	8,7	8,6	8,7
- Bán lẻ hàng hoá	% yoy	6,0	7,0	7,5	7,4	6,7	9,1	8,6	7,3	7,0	7,6	7,2	7,4	8,1	7,4
- Dịch vụ lưu hành	% yoy	7,8	6,5	21,3	44,9	51,4	70,9	71,3	18,5	35,8	66,1	57,6	45,1	37,1	31,8
Vận tải hành khách	% yoy	1,8	5,3	5,9	5,7	6,5	5,1	8,5	3,0	14,3	9,4	8,2	6,1	4,3	7,2
Vận tải hàng hoá	% yoy	10,9	9,8	13,6	12,5	11,9	7,7	8,2	1,8	13,5	13,3	11,5	11,4	13,5	13,3
Khách quốc tế	% yoy	312,0	194,6	150,3	144,1	129,7	106,6	93,9	10,3	64,1	78,6	58,2	64,9	58,4	51,0
Chỉ báo sản xuất															
Sản xuất công nghiệp	yoy	2,8	3,7	2,6	5,1	4,1	5,8	5,8	18,3	5,7	4,1	6,3	6,8	9,5	8,5
- Chế biến chế tạo	yoy	2,9	3,6	3,5	5,9	4,9	6,3	7,6	19,3	5,9	4,6	7,0	7,3	10,8	9,5
PMI ngành sản xuất	chỉ số	46,2	48,7	50,5	49,7	49,6	47,3	48,9	50,3	50,4	49,9	50,3	50,3	54,7	54,7
PMI-chỉ số việc làm	chỉ số	45,0	48,5	49,7	48,3	50,1	48,8	49,9	49,7	50,9	52,1				
Tỷ lệ thất nghiệp (quý)	%			2,3			2,3			2,2			2,3		
Sử dụng lao động - CBCST	% yoy	-4,5	0,9	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5	0,3	1,1	3,4	3,4	4,0	3,3
Tổng vốn đầu tư	% yoy			7,6			7,5			5,2			6,8		
Đầu tư nước ngoài															
Vốn đăng ký mới	tỷ USD	2,6	2,8	1,9	2,1	5,6	3,1	7,8	2,4	1,9	0,5	2,3	0,8	1,6	2,8
- Chế biến chế tạo	tỷ USD	1,8	2,5	1,4	1,7	4,8	2,1	2,5	0,9	1,6	1,4	1,1	0,4	1,5	1,0
Vốn giải ngân	tỷ USD	2,4	1,6	1,5	2,8	2,1	2,3	2,9	1,5	1,3	1,8	1,7	2,0	2,6	1,7
Thương mại															
Xuất khẩu hàng hóa	% yoy	-11,4	-3,5	-7,6	4,6	5,9	6,7	13,1	42,0	-5,0	14,2	10,6	15,2	14,5	15,7
Nhập khẩu hàng hóa	% yoy	-16,9	-9,9	-8,3	2,6	5,2	5,1	12,3	33,3	1,8	9,7	15,4	18,2	17,0	18,5
Cán cân hàng hóa	tỷ USD	3,1	2,2	3,8	2,3	3,0	1,3	2,3	2,9	1,1	2,9	0,7	-1,0	2,9	2,1
Cán cân dịch vụ (quý)	tỷ USD			-2,6			-2,8			-2,3			-4,9		
Chỉ số giá															
Lạm phát toàn phần	% yoy	2,0	2,1	3,0	3,7	3,6	3,4	3,6	3,4	4,0	3,8	3,9	4,0	4,1	4,1
Lạm phát cơ bản	% yoy	4,3	4,1	4,0	3,8	3,4	3,2	3,0	2,7	3,0	2,8	2,8	2,8	2,6	2,7
Chỉ số giá đầu vào - PMI	chỉ số	47,6	48,3	52,8	54,7	55,8	55,9	55,5	55,6	55,0	53,0				
Chỉ số giá đầu ra - PMI	chỉ số	45,9	46,0	51,2	51,9	52,4	52,1	50,2	49,7	50,8	49,6				

Một số dữ liệu công bố đáng chú ý trong tuần từ **12/08-16/08/2024**

12/08

- ✓ **Trung Quốc:** Số liệu về khoản nợ mới trong tháng 7
- ✓ **Mỹ:** Báo cáo tháng 7 của OPEC

13/08

- ✓ **Mỹ:** Chỉ số giá sản xuất tháng 7
- ✓ **Khu vực Eurozone:** Chỉ số niềm tin kinh tế khu vực tháng 8

14/08

- ✓ **Anh:** Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá sản xuất tháng 7
- ✓ **Khu vực Eurozone, Nhật Bản:** Tăng trưởng GDP trong Quý II
- ✓ **Mỹ:** Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7
- ✓ **Trung Quốc:** số liệu sản xuất công nghiệp và doanh số bán lẻ tháng 7.

15/08

- ✓ **Anh:** Tăng trưởng GDP trong Quý II
- ✓ **Mỹ:** Số lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu theo tuần, doanh số bán lẻ tháng 7

16/08

- ✓ **Khu vực Eurozone:** Cán cân thương mại tháng 6
- ✓ **Mỹ:** Số lượng giấy phép xây dựng trong tháng 7.

Tài liệu này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, VCB không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây. Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và VCB không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này. Tài liệu này là sản phẩm và tài sản của VCB. Các hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của VCB đều là trái luật.

*Thông tin liên hệ: Phòng Phát triển sản phẩm và Giám sát giao dịch vốn – Khối Vốn & Thị trường
Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137
Email: @vietcombank.com.vn*